

Hải Phòng, ngày 06 tháng 6 năm 2026

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam


Bệnh viện Quân y 7 Cục Hậu cần Kỹ Thuật Quân khu 3 có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua bổ sung vật tư, hóa chất dùng Khoa Thận – Lọc máu; Khoa Xét nghiệm – Giải phẫu bệnh tháng 6 năm 2026 của Bệnh viện Quân y 7 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Quân y 7
Số 12 đường Tuệ Tĩnh, phường Thành Đông, Tp. Hải Phòng.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
 - Hoàng Văn Đạt - Chức vụ: Phó Chủ nhiệm Khoa Trang bị
 - Số điện thoại: 0915102966 – Gmail: khoatrangbiv7@gmail.com
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp báo giá tại Khoa Trang bị Bệnh viện Quân y 7. Số 12 đường Tuệ Tĩnh, phường Thành Đông, Tp. Hải Phòng
 - Nhận qua gmail: khoatrangbiv7@gmail.com
- Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ: 8h ngày 08 tháng 6 năm 2026 đến trước 17h ngày 19 tháng 6 Năm 2026.
Các báo giá nhận được sau thời gian trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá 90 ngày kể từ ngày 19 tháng 6 năm 2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

- Nội dung yêu cầu báo giá như sau:
Chi tiết tại phụ lục đính kèm
- Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Bệnh viện Quân y 7.
- Địa chỉ: Số 12 đường Tuệ Tĩnh, phường Thành Đông, Tp. Hải Phòng.

4. Thời gian hoàn thành dự kiến: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
5. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Không
6. Các thông tin khác(nếu có) 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TB. Đ03b.

GIÁM ĐỐC



Đại tá Hoàng Văn Lý

Mẫu báo giá

Kính gửi: Bệnh viện Quân y 7

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Quân y 7, chúng tôi:.....[Tên nhà cung cấp] báo giá các mặt hàng trong gói thầu như sau:

1. Bảng chào giá dịch vụ.

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá Đã có VAT	Thành tiền

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá có hiệu lực trong vòng: 90 ngày kể từ ngày tháng năm 2026.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo cáo là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày....tháng.... năm
2026

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu(nếu có))

PHỤ LỤC IV: DANH MỤC, SỐ LƯỢNG, THÔNG SỐ KỸ THUẬT VẬT TƯ MUA VẬT TƯ, HÓA CHẤT DÙNG CHO THẬN NHÂN TẠO VÀ MÁY XÉT NGHIỆM

Gói thầu: Mua bổ sung vật tư, hóa chất dùng thận nhân tạo – Lọc máu; Khoa Xét nghiệm – Giải phẫu bệnh tháng 6 năm 2026

STT	Tên hàng hóa	Mua sắm vật tư dùng cho thận nhân tạo	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Dung dịch sát khuẩn màng lọc thận nhân tạo	Dung dịch sát khuẩn màng lọc thận nhân tạo thành phần gồm: Peracetic acid: $\geq 4.2\%$ w/w Hydrogen peroxide: $\geq 30\%$ w/w Acetic acid: $\geq 4.9\%$ w/w Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016		Can 5 lit	60
2	Quả lọc thận nhân tạo	Màng lọc máu Polysulfone Chất liệu vỏ: Polycarbonate Chất liệu đầu quả lọc: Polyurethane - Low Flux. Diện tích $\geq 1,3$ m ² . - Hệ số siêu lọc (đo trên máu người, Hct 32%, protein 6%) : ≥ 13 (mL/h x mmHg) - Thể tích mỗi (mL/h x mmHg) 78 ml. - Với lưu lượng máu = 300 ml/ph thì độ thanh thải (Urea : ≥ 243 , Creatinine: ≥ 175 , Phosphate : ≥ 175 , Vitamin B12 : ≥ 100), KoA: ≥ 746 - TMP tối đa: ≥ 600 mmHg - Độ dày thành ≥ 40 μ m, đường kính sợi ≥ 200 μ m. - Tiết trùng bằng hơi nước trong lòng sợi Inline steam Xuất xứ: G7; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016		Quả	2.700

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
3	Bộ dây truyền máu chạy thận nhân tạo	<p>Bộ dây thẩm tách máu có cấu tạo sản phẩm gồm 2 phần chính: Động mạch và Tĩnh mạch.</p> <p>1. Động mạch: - Dây chủ ID ≥ 4.5mm, OD ≥ 6.8mm tổng chiều dài dây ≥ 3750 mm kèm theo :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công tiêm thuốc - Công truyền dịch - Nhánh đo áp lực áp lực động mạch (PA) có khóa - Dây bơm máu đường kính $\geq 8.0 \times 12 \times 400$mm (Pump) - Bầu chứa (OD: 19-30mm, LD: ≥ 130mm) <p>2. Tĩnh mạch: - Dây chủ ID ≥ 4.6mm, OD ≥ 6.8mm tổng chiều dài dây ≥ 2700 mm kèm theo</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công tiêm thuốc - Bầu chứa (OD: 19-30mm, LD: ≥ 130mm) gồm lưới lọc bên trong bầu. - Thể tích làm đầy $\geq (163 \pm 10\%)$ml <p>- Nhánh đo áp lực tĩnh mạch (PV) có khóa Ống dây được làm bằng vật liệu PVC theo tiêu chuẩn y tế, không chứa DEHP</p> <p>- Các nhánh đo áp lực, đầu nối có kích thước phù hợp, đều có nắp đậy bảo hộ và kẹp khóa an toàn, Công tiêm thuốc chất liệu cao su y tế (free latex) mềm có độ đàn hồi rất tốt, tránh ri dịch hoặc bong vụn khi tiêm thuốc trong quá trình lọc máu.</p> <p>- Đóng gói từng bộ (một mặt giấy, một mặt trong suốt) nhằm đảm bảo độ vô trùng, để bảo quản, dễ quan sát và thoát khí EO rất an toàn trước sử dụng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016</p>	Bộ	2.700
4	Kim chạy thận nhân tạo	<p>Kim làm bằng thép không gỉ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kim có cánh định vị cánh xoay với màu xanh lá 16G, đầu kim có 3 mặt vát, sắc bén, phủ silicon giúp lấy ven dễ dàng, giảm đau - Kim có ống chụp bảo vệ khi chưa sử dụng - Mặt sau có lỗ backeye - 16G - Chiều dài kim: ≥ 25 (mm) - Chiều dài dây gắn với kim: ≥ 300 (mm) <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016</p>	Cái	30.000
5	Dung dịch thẩm phân máu đậm đặc (Acid)	<p>Thành phần trong 1.000 ml dung dịch gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Natri clorid: $\geq 210,68$ g ($\pm 10\%$) - Kali clorid: $\geq 5,22$ g ($\pm 10\%$) - Calci clorid.2H₂O: $\geq 9,00$ g ($\pm 10\%$) - Magnesi clorid.6H₂O: $\geq 3,56$ g ($\pm 10\%$) - Acid acetic băng: $\geq 6,31$ g ($\pm 10\%$) - Glucose.H₂O: $\geq 38,50$ g ($\pm 10\%$) <p>Nước đạt tiêu chuẩn ISO 23500-3:2019 vừa đủ: 1.000 ml</p> <p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485</p> <p>Quy cách: Can 10 lít được đóng kín bằng màng seal nhôm</p> <p>Sử dụng tương thích với dịch B (Bicarbonat) theo đúng khuyến cáo của nhà sản xuất</p>	Can	7.500

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
6	Dung dịch thẩm phân máu đậm đặc (Bicarbonat)	Thành phần trong 1.000 ml dung dịch gồm: - Natri bicarbonat: $\geq 84,0$ g ($\pm 10\%$) - Nước đạt tiêu chuẩn ISO 23500-3:2019 vừa đủ: 1.000 ml Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 Quy cách: Can 10 lít được đóng kín bằng màng seal nhôm Sử dụng tương thích với dịch A (Acid) theo đúng khuyến cáo của nhà sản xuất	Can	7.500
7	Muối tái sinh NaCl tinh khiết	Thành phần NaCl $\geq 99\%$; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Kg	1500
8	Acid Citric	Thành phần: - Acid Citric nồng độ $\geq 50\%$ cung cấp khả năng làm sạch, khử trùng (vi khuẩn, virus bao gồm HIV/HBV/HCV) và khử cặn (loại bỏ canxi cacbonat), sử dụng trên máy chạy thận nhân tạo Quy cách: can ≥ 5 lít Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Can	250
II		Mua sắm hóa chất dùng cho máy xét nghiệm AU480		
2.1	IVD rửa dùng cho máy xét nghiệm hóa sinh	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa; Thành phần: Sodium Hydroxide $\geq 1 - 2\%$; Genapol X080 $\geq 1 - 2\%$; Sulfonic acids, C14-17-sec-alkane, muối natri $\geq 1 - 5\%$. Quy cách: $\geq 1 \times 5$ lít; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Can	15
2.2	Thuốc thử xét nghiệm định lượng glucose	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng glucose; Thành phần: Dung dịch đệm PIPES (pH 7,6) ≥ 24 mmol/L; ATP ≥ 2 mmol/L; NAD+ $\geq 1,32$ mmol/L; Mg2+ 2,37 mmol/L; Hexokinase $\geq 0,59$ KU/L; G6P-DH $\geq 1,58$ KU/L; Phương pháp: Enzymatic (hexokinase method); Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương, nước tiểu và dịch não tủy; Độ lặp lại: CV $\leq 3\%$; Độ chụm toàn phần: CV $\leq 5\%$; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 13 test. Quy cách: ≥ 150 ml; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Hộp	12
2.3	Thuốc thử xét nghiệm định lượng LDL-Cholesterol	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng LDL-cholesterol; Thành phần: Cholesterol esterase $\geq 3,7$ IU/mL; Cholesterol oxidase $\geq 3,7$ IU/mL; Peroxidase $\geq 4,9$ IU/mL; Natri azit $\geq 0,1\%$; Dung dịch đệm của Good (pH 6,8) ≥ 25 mmol/L; 4-aminoantipyrine $\geq 0,8$ mmol/L; Catalase ≥ 743 IU/mL; HDAOS $\geq 0,47$ mmol/L; Phương pháp: Enzymatic; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: CV $\leq 3,0\%$; Độ chụm toàn phần: CV $\leq 4,0\%$; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 4 test Quy cách: ≥ 270 ml; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Hộp	12

Thông số kỹ thuật		Đơn vị tính	Số lượng
2.4	Tên hàng hóa Thuốc thử xét nghiệm định lượng HDL-Cholesterol	Hộp	13
<p>Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng HDL-cholesterol; Thành phần: Kháng thể kháng β-lipoprotein ở người; Cholesterol esterase (CHE) $\geq 0,8$ IU/mL; Cholesterol oxidase (CHO) $\geq 4,4$ IU/mL; Peroxidase (POD) $\geq 1,7$ IU/mL; Ascorbate Oxidase ≥ 2 IU/mL; Dung dịch đệm Good's (pH 7) ≥ 30 mmol/L; N-Ethyl - N - (2-hydroxy-3-sulfofropyl) - 3,5-dimethoxy - 4 fluoroaniline (F-DAOS) $\geq 0,2$ mmol/L; 4-Aminoantipyrine $\geq 0,67$ mmol/L; Phương pháp: Enzymatic; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: CV $\leq 3,0\%$; Độ chụm toàn phần: CV $\leq 4,0\%$; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 4 test Quy cách: ≥ 270ml; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016</p>			
2.5	Thuốc thử xét nghiệm định lượng ure	Hộp	12
<p>Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng ure; Thành phần: "Đệm Tris ≥ 100 mmol/L; NADH $\geq 0,26$ mmol/L; Tetra Natri diphosphat ≥ 10 mmol/L; EDTA $\geq 2,65$ mmol/L; 2-Oxoglutarat $\geq 9,8$ mmol/L; Urease $\geq 17,76$ kU/L; ADP $\geq 2,6$ mmol/L; GLDH $\geq 0,16$ kU/L.; Phương pháp: GLDH, đo UV động học; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương, nước tiểu; Độ lặp lại: CV $\leq 5\%$; Độ chụm toàn phần CV $\leq 10\%$; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 9 test Quy cách: ≥ 424ml; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016</p>			
2.6	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng LDL-Cholesterol	HỘP	5
<p>Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm LDL-Cholesterol; Thành phần: Huyết thanh người dạng bột đông khô chứa LDL-Cholesterol (người); Giá trị chất hiệu chuẩn có thể được truy xuất theo phương pháp tham chiếu LDL-cholesterol của US CDC (Centre for Disease Control); Quy cách: ≥ 2ml; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016</p>			
2.7	IVD ly giải xét nghiệm định lượng HbA1c	Hộp	3
<p>Dung dịch ly giải hồng cầu dùng cho xét nghiệm định lượng HbA1c. Quy cách: ≥ 1000ml; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016</p>			
2.8	Thuốc thử, chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng HbA1c	Hộp	4
<p>Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng HbA1c; Thành phần: + Thuốc thử HbA1c RI Antibody: Kháng thể kháng HbA1c ở người (cừ) $\geq 0,5$ mg/mL; đệm MES $\geq 0,025$ mol/L, đệm TRIS $\geq 0,015$ mol/L; + Thuốc thử HbA1c R2 Polyhaptent: HbA1c Polyhaptent ≥ 8 μg/mL, đệm MES 0,025 mol/L, đệm TRIS 0,015 mol/L; + Hemoglobin toàn phần R1: đệm photphat, pH $\geq 7,4$: 0,02 mol/L; Phương pháp: THb: Đo màu A1c: Úc chế miễn dịch đo độ đục; Loại mẫu: Máu toàn phần; Độ lặp lại: CV $\leq 4\%$; Độ chụm toàn phần: CV $\leq 4\%$; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 2 test. Quy cách: ≥ 169ml; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016</p>			
III	Vật tư dùng cho máy xét nghiệm điện giải khí máu GASTAT 1800		
3.1	Bộ ống dây dẫn dịch bằng cao su lưu hóa dùng cho máy xét nghiệm khí máu	Bộ	1
<p>Bộ ống dây, làm bằng cao su, sử dụng để kết nối đường dịch, gồm nhiều loại ống dây bên trong. Quy cách: 1 cái/túi; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016</p>			
3.2	Ống dây bơm bằng cao su lưu hóa dùng cho máy xét nghiệm khí máu.	Túi	1
<p>Làm bằng ống cao su. Sử dụng để hút dịch. Dài 180mm (+/-5%). Quy cách: 3 cái/túi; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016</p>			

STT		Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
3.3	Điện cực xét nghiệm định lượng pH	Điện cực pH, tương thích với máy khí máu. Nguyên lý do điện cực chọn lọc ion. Điện cực ổn định trong ≥ 14 tháng kể từ ngày sản xuất. Dải đo 6,000-8,000 hoặc tốt hơn. Quy cách: 1 cái/túi; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Chiếc	1	
3.4	Điện cực xét nghiệm định lượng pCO2	Điện cực pCO2, tương thích với máy khí máu. Xét nghiệm được thực hiện dựa trên phương pháp điện cực Severinghaus. Điện cực ổn định trong ≥ 18 tháng kể từ ngày sản xuất. Dải đo 10,0 - 200,0 Torr hoặc tốt hơn. Quy cách: 1 cái/túi; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Cái	1	
3.5	Thân điện cực tham chiếu xét nghiệm định lượng pH, pCO2, pO2, Na, K, Cl, Ca, Glc, Lac	Vỏ điện cực tham chiếu, tương thích với máy khí máu. Vỏ điện cực và lõi điện cực được lắp ráp với nhau sẽ thành điện cực tham chiếu Ref ELECTRODE. Điện cực ổn định trong 18 tháng kể từ ngày sản xuất. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Cái	1	
3.6	Lõi điện cực tham chiếu xét nghiệm định lượng pH, pCO2, pO2, Na, K, Cl, Ca, Glc, Lac	Lõi điện cực tham chiếu, tương thích với máy khí máu. Vỏ điện cực và lõi điện cực được lắp ráp với nhau sẽ thành điện cực tham chiếu Ref ELECTRODE. Điện cực ổn định trong ≥ 18 tháng kể từ ngày sản xuất. Quy cách: 1 cái/túi; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Cái	1	
3.7	Điện cực xét nghiệm định lượng pO2	Điện cực pO2, tương thích với máy khí máu. Xét nghiệm được thực hiện dựa trên phương pháp điện cực Clark. Điện cực ổn định trong ≥ 18 tháng kể từ ngày sản xuất. Dải đo 5,0 - 713,0 Torr hoặc tốt hơn. Quy cách: 1 cái/túi. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Cái	1	
3.8	Bộ phận nhận mẫu bệnh phẩm dùng cho máy xét nghiệm khí máu.	Công nhận mẫu. Tương thích với máy khí máu GASTAT 1800 series. Quy cách: 1 cái/túi. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Chiếc	1	
3.9	Bóng đèn halogen dùng cho máy xét nghiệm hoá sinh, 12V 20W.	Bóng đèn dùng cho máy xét nghiệm AU480, 12Vdc 20W. Làm bằng kim loại, thủy tinh, nhựa. Quy cách: 1 cái/túi. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Cái	4	
3.10	Ống dây bơm bằng cao su lưu hoá dùng cho máy xét nghiệm hoá sinh.	Dùng để bơm dùng cho máy xét nghiệm AU480. Làm bằng vật liệu nhựa và cao su. Tổng chiều dài 10,7 cm (+/- 0,2 cm), chiều dài cao su: 8,8 cm (+/- 0,2 cm), đường kính 0,5 cm (+/- 0,1 cm). Quy cách: 2 cái/túi. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Cái	4	
Tổng cộng 03 phần					